

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày: 05-7-2022

V/v tranh chấp dân sự về chuyển
giao nghĩa vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tính;
2. Ông Tống Đức Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp dân sự về chuyển giao nghĩa vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Thuận H, xã Truông M, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 6, ấp 6, xã Suối Ng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Văn Q (tên thường gọi là Qu), sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 6, ấp 6, xã Suối Ng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Thị L trình bày:

Vào ngày 16-01-2019 (AL), bà và vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Văn Q cùng nhau hùn vốn mua vườn cây cao su của ông Năm Khai và ông Được (họ tên cụ thể không nhớ), địa chỉ xã Suối Ng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Số tiền hùn hạp làm ăn cụ thể thì không xác định vì các bên thỏa thuận cưa bao nhiêu diện tích cao su thì giao tiền tương ứng bấy nhiêu. Sau khi cưa xong 01 lô cao su của ông Năm Khai với diện tích khoảng 15ha, đến cưa lô thứ hai được vài ngày thì bà không hùn hạp làm ăn chung với vợ chồng chị Ng nữa nên vào ngày 20-4-2019 (DL), các bên tổng kết số tiền làm ăn chung với nhau và anh Q có viết giấy chốt lại số tiền còn nợ của bà là 600.000.000 đồng và hẹn đến ngày 26-4-2019 sẽ thanh toán đủ. Tuy nhiên, đến hẹn vợ chồng chị Ng, anh Q không trả nợ.

Sau đó, đến ngày 09-5-2019 (DL), bà đến nhà vợ chồng chị Ng, anh Q, đang sống chung với bà Nguyễn Thị H để yêu cầu trả nợ thì bà H tự nguyện đứng ra nhận trả nợ thay cho vợ chồng chị Ng, anh Q số tiền 600.000.000 đồng và đồng ý ký tên trong “Giấy thỏa thuận hẹn nợ”. Khi viết giấy thỏa thuận hẹn nợ thì có mặt Công an phụ trách áp chứng kiến, bà H đồng ý nhận trả nợ thay cho vợ chồng chị Ng và cam kết sẽ trả làm 03 đợt, cụ thể vào ngày 19-5-2019 (DL) trả 200.000.000 đồng; Ngày 19-6-2019 (DL) trả 200.000.000 đồng và ngày 19-7-2019 (DL) trả 200.000.000 đồng. Các bên không thỏa thuận lãi suất, không thế chấp tài sản gì. Đến ngày 01-6-2019, bà H trả được 100.000.000 đồng; Ngày 02-6-2019 bà H trả được 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 250.000.000 đồng. Ngoài số tiền 250.000.000 đồng đã trả thì các bên còn trừ một số tiền lật vật là 79.718.000 đồng theo như giấy tổng kết do chị Ng viết mà bà cung cấp cho Tòa án. Tổng cộng số tiền trả được cho bà là 329.718.000 đồng và còn nợ lại 270.282.000 đồng đến nay chưa trả.

Theo đơn khởi kiện lập ngày 03-12-2021, bà L yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc 276.782.000 đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/01 tháng, tính từ ngày 02-6-2019 (DL) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày khởi kiện là 68.918.718 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Giữa bà và bà L không có bất kỳ mối quan hệ họ hàng gì với nhau. Bà chỉ biết bà L do bà L có hùn hạp làm ăn chung với vợ chồng chị Ng, anh Q (con của bà). Cụ thể việc hùn hạp làm ăn giữa các bên như thế nào thì bà không rõ, bà chỉ biết vào năm 2019, các bên hùn mua của ông Được (họ tên không rõ) diện tích 10ha cây cao su, mua của ông Năm Khai (họ tên không rõ) diện tích 40ha cây cao su. Giá trị 130.000.000 đồng/01ha, đặt cọc trước cho ông Năm Khai 500.000.000 đồng. Bà L bỏ ra số tiền 400.000.000 đồng, còn vợ chồng chị Ng bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng và số tiền này do bà đi vay dùm vợ chồng chị Ng. Sau đó, cưa bao nhiêu thì giao tiền cho người bán bấy nhiêu. Các bên cưa hết 15 ha cao su của ông Năm Khai xong thì ông Năm Khai yêu cầu phải trả đủ tiền 24ha thì ông Năm Khai mới cho cưa tiếp. Vợ chồng chị Ng vay mượn được 2.000.000.000

đồng để giao cho ông Khai, còn bà L nói không có tiền hùn nữa nên không làm ăn chung.

Đến ngày 09-5-2019, bà L đến nhà nói vợ chồng chị Ng, anh Q nợ của bà L số tiền 600.000.000 đồng. Do bên bà L đông người nên bà sợ và đồng ý đứng ra nhận trả nợ thay cho vợ chồng chị Ng. Khi ký tên nhận trả nợ thay cho vợ chồng chị Ng thì có mặt Công an xã chứng kiến. Bà không trình báo cho Công an xã biết việc mình bị uy hiếp và đến nay không có chứng cứ gì chứng minh việc mình bị ép buộc trả nợ. Đến tháng 06-2019, bà đã trả cho bà L 02 lần với tổng số tiền 250.000.000 đồng, tiền này do bà bỏ ra trả nợ và khi trả có làm giấy do anh Q hay chị Ng viết nội dung thì bà không nhớ. Bà cũng thống nhất với lời trình bày của bà L về số tiền trả nhiều lần 79.718.000 đồng. Tổng cộng số tiền trả được là 329.718.000 đồng và hiện tại còn nợ lại 270.282.000 đồng.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng thì bà tự nguyện đồng ý trả cho bà L và không yêu cầu vợ chồng chị Ng, anh Q trả số tiền nợ trên cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án nhiều lần để cung cấp lời khai, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Ng, anh Q đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày: Giữa bà và vợ chồng chị Ng, anh Q đã tổng kết nợ và anh Q trực tiếp viết giấy nợ, ký tên. Bà H tự nguyện nhận trả nợ thay cho vợ chồng chị Ng, anh Q. Bà cũng đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ vợ chồng chị Ng, anh Q sang cho bà H. Tại phiên tòa hôm nay, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc còn nợ 270.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng là 290.000.000 đồng. Bà không yêu cầu chị Ng, anh Q có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng là 290.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi thanh toán xong nợ. Bà không yêu cầu chị Ng, anh Q có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 370, 357 Bộ luật dân sự 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 về án phí và lệ phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số tiền gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng là 290.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Văn Q (Qu) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ng, anh Q.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị H thực hiện thay nghĩa vụ cho con mình là chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Văn Q và được sự đồng ý của bà Ngô Thị L. Bà L chỉ yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà mà không yêu cầu vợ chồng chị Ng, anh Q trả nên Tòa án xác định thay đổi quan hệ tranh chấp từ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thành quan hệ “Tranh chấp dân sự về chuyển giao nghĩa vụ” theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại tổ 6, ấp 6, xã Suối Ng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Ng và anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối về các chứng cứ do bà L cung cấp. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện chị Ng có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng với bà H tại tổ 6, ấp 6, xã Suối Ng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Ng sống chung với anh Q như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2018, tuy nhiên, bà H xác nhận 02 bên gia đình có tổ chức đám cưới cho anh chị. Trong thời gian mua bán vườn cao su tại xã Suối Ng, vợ chồng chị Ng, anh Q sinh sống tại nhà của bà H, khoảng tháng 04-2020, vợ chồng chị Ng, anh Q đã bỏ địa

phương đi, không xác định được địa chỉ nơi cư trú hiện nay nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng, thấy rằng:

Về nguồn gốc số tiền 600.000.000 đồng mà bà H ký tên trong “Giấy thỏa thuận hện nợ” do bà L cung cấp cho Tòa án thực chất là số tiền mà chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Văn Q (con của bà H) phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngô Thị L. Tuy nhiên, do vợ chồng chị Ng, anh Q không có khả năng thanh toán nợ cho bà L nên bà H đứng ra nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay số tiền 600.000.000 đồng cho các con và được sự đồng ý của bà L. Xét thấy, việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa các bên là có thật và hoàn toàn tự nguyện được thể hiện qua “Giấy thỏa thuận hện nợ” lập ngày 09-5-2019 có chữ ký của bà H. Sau khi thỏa thuận bà H cũng đã thực hiện một phần nghĩa vụ, cụ thể đã trả cho bà L được số tiền 250.000.000 đồng và bà L thừa nhận có ứng thêm nhiều lần của vợ chồng chị Ng, anh Q số tiền 79.718.000 đồng, tổng cộng trả được 329.718.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà H và bà L thừa nhận giữa các bên có việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ vợ chồng chị Ng, anh Q sang cho bà H là hoàn toàn tự nguyện và nay bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng, không đồng ý để cho vợ chồng chị Ng, anh Q trả số tiền còn lại là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Theo đơn khởi kiện, bà Ngô Thị L yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật (0,83%/01 tháng) từ ngày 02-6-2019 (DL) cho đến khi giải quyết xong vụ án, thấy rằng: Bà L và bà H trình bày khi ký “Giấy thỏa thuận hện trả nợ” các bên không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận lần trả nợ cuối cùng là ngày 19-7-2019. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H chưa trả tiền cho bà L, nên việc bà L yêu cầu tính tiền lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Ngày 19-7-2019 (DL) cho đến ngày 05-7-2022 là 35 tháng 16 ngày: $270.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/01 \text{ tháng} \times 35 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 79.630.200 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L chỉ yêu cầu bà H trả số tiền lãi 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Xét yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng/01 tháng của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bà H đồng ý trả cho bà L số tiền 290.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được bà L đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận, vì phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ; 2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với bà Nguyễn Thị H được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng là 290.000.000 đồng. Ghi nhận bà L và bà H không yêu cầu chị Ng, anh Q có trách nhiệm trả số tiền trên. Ngoài ra các đương sự không yêu cầu gì khác.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 370, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp dân sự về chuyển giao nghĩa vụ”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Ngô Thị L và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Ng, anh Nguyễn Văn Q (Qu) có trách nhiệm trả số tiền trên. Ngoài ra các đương sự không yêu cầu gì khác.

Kể từ ngày bà Ngô Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H còn phải trả cho bà Ngô Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ngô Thị L 8.642.500 (tám triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006928 ngày 06-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Quyên